TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 63/2022/HC-PT Ngày 17 tháng 3 năm 2022 V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2020/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1633/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện GL, Thành phố Hà Nội;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: Số 10 Ngô Xuân Q, thị trấn TQ, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc T2, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện GL, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H1, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thọ S, Chủ tịch UBND xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

3.2.Ông Vũ Văn C, sinh năm 1957;

3.3. Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1960;

3.4. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1963

Đều cư trú tại địa chỉ: thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

3.5. Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1965; địa chỉ: KQ, YV, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

3.6. Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1975;

3.7. Chị Vũ Ngọc H2, sinh năm 1985;

3.8. Anh Vũ Xuân H3, sinh năm 1987

Đều cư trú tại địa chỉ: thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị T1 (là người khởi kiện vụ án).

Tại phiên tòa: Người khởi kiện có kháng cáo là bà Vũ Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Vũ Thị T1 trình bày:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch được UBND huyện GL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất ngày 29/9/2004 đối với thửa đất số 86 tờ bản đồ số 03 tại thôn XD, xã Yên Thường, huyện GL, Thành phố Hà Nội với diện tích 145 m^2 đất ở theo Quyết định số 860/QĐ-UB ngày 29/9/2004 "Về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch". Hộ gia đình bà Ch gồm 04 người là bà Nguyễn Thị Ch, ông Vũ Văn C (chồng bà Ch) và hai người con là chị Vũ Ngọc H2, anh Vũ Xuân H3. Bà Nguyễn Thị Ch đã chết ngày 03/7/2016.

Bà Vũ Thị T1 là em gái ông Vũ Văn C đã có đơn gửi UBND huyện GL đề nghị thu hồi GCNQSD đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch với lý do thửa đất có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) YT cấp cho bố mẹ bà T1 là cụ Vũ Văn K và cụ Đàm Thị H. Gia đình chưa thống nhất cho vợ chồng ông C, bà Ch.

Ngày 25/10/2016, UBND huyện GL có Thông báo số 1797/TB-UBND về việc thông báo kết quả thẩm tra việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch. Theo đó, đã xác định việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch là đúng quy định.

Ngày 30/12/2016, bà T1 có đơn khiếu nại Thông báo số 1797/TB-UBND lên Chủ tịch UBND huyện GL.

Ngày 22/02/2017, Chủ tịch UBND huyện GL ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1562/QĐ-CT, theo đó quyết định giữ nguyên Thông báo số 1797/TB-UBND về việc thông báo kết quả thẩm tra việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Ngày 05/5/2017, bà Vũ Thị T1 nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1562/QĐ-CT ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện GL và hủy GCNQSD đất số 625 ngày 29/9/2004 của UBND huyện GL cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch. Lý do khởi kiện của bà Vũ Thị T1 như sau:

Bố mẹ bà T1 là cụ Vũ Văn K (chết năm 1987) và cụ Đàm Thị H (chết năm 2014) sinh được 08 người con gồm: Ông Vũ Văn H4 (sinh năm 1954), ông **Vũ Văn C** (sinh năm 1957); ông Vũ Văn L1 (sinh năm 1960); bà Vũ Thị N (sinh năm 1963); bà Vũ Thị L2 (sinh năm 1965); ông Vũ Văn T4 (sinh năm 1968, chết năm 2015); ông Vũ Văn T3 (sinh năm 1975) và bà là **Vũ Thị T1** (sinh năm 1972).

Ngày 23/8/1985, cụ K và cụ H có nhận nhượng lại ngôi nhà trẻ XD của HTXNN YT (có biên bản nhượng). Sau khi mua đất, cụ K và cụ H không ở mà cho vợ chồng anh Vũ Văn C (vợ là bà Nguyễn Thị Ch) mượn để ở nhờ, đồng thời trông nom thửa đất thay cho cả gia đình, tạo điều kiện cho vợ chồng anh C có chỗ ăn ở sinh hoạt chứ chưa bao giờ nói cho hay tặng. Cuối năm 1987, cụ K chết không để lại di chúc. Sau khi cụ K chết, cụ H đã tổ chức họp gia đình và thống nhất mảnh đất này là của cả gia đình, không tặng cho bất kỳ ai.

Năm 2007, cụ H có làm đơn gửi lên UBND xã YT để hỏi về thửa đất số 87 tờ bản đồ số 3, thôn XD do ông Vũ Văn C mượn để ở đã được cấp GCNQSD đất hay chưa. Ngày 22/10/2012, UBND xã YT có Thông báo số 380/TB-UBND trả lời đơn của cụ H, trong đó có nội dung: "*Thửa đất mà bà H hỏi, hiện ông Vũ Văn C là con trai bà đang sử dụng chưa được cấp GCNQSDĐ"*. Đến năm 2014, cụ H chết không để lại di chúc. Sau khi cụ H chết, bà T1 có tìm hiểu và được biết mảnh đất trên đã được UBND huyện GL cấp GCNQSD đất mang tên Nguyễn Thị Ch (vợ ông Vũ Văn C) từ năm 2004.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. UBND huyện GL không đồng ý huỷ GCNQSD đất số 625 QSDĐ/860 ngày 29/9/2004 của UBND huyện GL cấp cho bà Nguyễn Thị Ch, bởi lẽ:

Thực hiện chủ trương cấp GCNQSD đất, ngày 05/01/2004 bà Nguyễn Thị Ch đã có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất, được UBND xã YT lập hồ sơ, tổ chức xét duyệt, công khai và đề nghị UBND huyện GL cấp GCNQSD đất.

Ngày 13/9/2004, UBND xã YT có Tờ trình số 134/TTr-UB về việc xin cấp GCNQSD đất ở, vườn liền kề cho 97 hộ gia đình, cá nhân tại xã YT, trong đó có trường hợp của gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Ngày 24/9/2004, phòng Địa chính nhà đất và đô thị có Tờ trình số 147/TTr-ĐCNĐ&ĐT về việc xin phê duyệt cấp GCNQSD đất ở, vườn liền kề cho 97 hộ gia đình, trong đó có trường hợp của gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Ngày 29/9/2004, UBND huyện GL có Quyết định số 860/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất ở, vườn liền kề cho 97 hộ gia đình, trong đó có trường hợp của gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Như vậy, UBND huyện GL đã thực hiện đúng và đầy đủ việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

2.2. Chủ tịch UBND huyện GL trình bày về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1562/QĐ-CT ngày 22/02/2017 như sau:

Ngày 30/12/2016, bà Vũ Thị T1 có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 1797/TB-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện GL. Ngày 21/02/2017, UBND huyện GL tổ chức đối thoại, giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T1. Tại buổi làm việc, bà T1 không đồng ý với các ý kiến của UBND xã và đại diện cơ sở thôn XD, xã YT. Ngày 22/02/2018, Chủ tịch UBND huyện GL ban hành Quyết định số 1562/QĐ-CT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T1. Theo đó, tại Điều 1 Quyết định này nêu rõ "Giữ nguyên Thông báo số 1797/TB-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện GL về kết quả thẩm tra việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch", bởi vì: Thửa đất có nguồn gốc do HTXNN YT cấp trái thẩm quyền. Thực tế, UBND xã YT và các bên liên quan không còn giữ được giấy tờ cấp đất. Do đó, không đủ cơ sở để xác định chính xác đối tượng được cấp đất là hộ gia đình ông Vũ Văn K và bà Đàm Thị H hay vợ chồng ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Ch.

Tuy nhiên, theo báo cáo của UBND xã YT, ý kiến xác nhận của các ông nguyên là cán bộ thôn XD, HTXNN YT thì thửa đất được cấp cho vợ chồng ông C. Thực tế, vợ chồng ông C đã sử dụng thửa đất để ở ổn định từ năm 1987 đến nay (gần 30 năm); đã thực hiện kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ (bản đồ đo vẽ theo chỉ thị 299 và sổ lập kèm theo thể hiện thửa đất số 343 tờ bản đồ thôn XD, diện tích 140 m^2 ghi tên chủ sử dụng là "Vũ Văn C"; bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 và sổ mục kê lập kèm theo thể hiện thửa đất số 86 tờ bản đồ số 03, diện tích 170 m^2 ghi tên chủ sử dụng là "Nguyễn Thị Ch". Theo báo cáo của UBND xã YT, năm 2004 trong quá trình duyệt hồ sơ cấp GCNQSD đất cho gia đình bà Ch, UBND xã YT đã thông báo công khai về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình bà Ch tại nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND và thông báo trên hệ thống đài truyền thanh xã. Kết thúc thời gian công khai, UBND xã YT không nhận được đơn thư khiếu nại, tranh chấp nào).

Bà Vũ Thị T1 không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai để chứng minh thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ K và cụ H.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện GL khẳng định việc giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 1562/QĐ-CT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T1 là đúng quy định pháp luật.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện hợp pháp của UBND xã YT trình bày:

Thửa đất bà T1 đang đề nghị giải quyết có nguồn gốc là đất do HTXNN cấp đất giãn dân cho ông Vũ Văn C năm 1985, trên đất có 01 ngôi nhà trẻ cũ. Cũng năm 1985, HTXNN đã thanh lý cho gia đình ông C ngôi nhà trẻ và cụ K là đại diện gia đình đứng ra định giá nguyên vật liệu của ngôi nhà trẻ đó.

Theo hồ sơ địa chính thể hiện:

- Bản đồ năm 1986 và sổ mục kê kèm theo: Thửa đất số 343, tờ bản đồ XD, diện tích 180 m^2 (sổ mục kê thể hiện 140 m^2), chủ sử dụng đất là ông Vũ Văn C (ông C là chồng bà Ch).

- Bản đồ 1993-1994 và sổ dã ngoại kèm theo: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 3, diện tích 170 m^2, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Ch.

- Hồ sơ lưu tại xã thể hiện thửa đất gia đình bà Ch có kê khai nộp thuế phi nông nghiệp.

Năm 2004, UBND xã YT xét duyệt hồ sơ cấp GCNQSD đất cho gia đình bà Ch là đúng nguồn gốc sử dụng đất. UBND xã YT đã thông báo công khai về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông C tại Nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã và thông báo bằng hệ thống loa truyền thanh. Kết thúc thời gian công khai, UBND xã YT không nhận được bất cứ đơn thư, khiếu nại nào.

3.2. Ông Vũ Văn C trình bày:

Ông là con thứ hai của vợ chồng cụ Vũ Văn K và cụ Đàm Thị H. Cụ K và cụ H có 8 người con gồm 5 người con trai và 3 người con gái. Năm 1985, ông C lấy vợ là bà Nguyễn Thị Ch (bà Ch là xã viên HTXNN). Lúc đó, vợ chồng ông C sống C cùng vợ chồng cụ K tại thửa đất do các cụ để lại tại thôn XD.

Do khó khăn về chỗ ở nên HTX đã xét và cấp cho vợ chồng ông C 01 thửa đất giãn dân tại Khu nhà trẻ cũ thôn XD. Do trên thửa đất có 01 căn nhà trẻ cũ nên Tổ hội đồng thôn và HTXNN đã tổ chức định giá nguyên vật liệu, lúc đó cụ K đã đứng ra để thống nhất giá nguyên vật liệu. Sau khi định giá xong, cụ K là người đại diện gia đình ông C nộp tiền cho HTX và số tiền đó là của ông C đưa cụ K. Sau khi được cấp đất và thanh lý ngôi nhà thì vợ chồng ông C chuyển ra đó sinh sống cho đến nay. Năm 2015, vợ chồng ông C đã phá bỏ ngôi nhà cũ và xây dựng lại thành căn nhà 2 tầng. Cũng từ năm 1985 đến nay, gia đình ông C đã đóng thuế sử dụng đất đầy đủ và không có sự tranh chấp với bất kỳ ai. Ngày 29/9/2004, gia đình ông C đã được cấp GCNQSD đất và trong quá trình kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận, gia đình không nhận được bất cứ ý kiến phản hồi hay tranh chấp của bất cứ ai.

Ông C không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1. Bà T1 là em ông, đã đi lấy chồng và có nơi ăn chốn ở. Các anh trai, em trai trong gia đình đều có nhà đất của bố mẹ để lại. Ông C khẳng định HTXNN cấp đất giãn dân cho vợ chồng ông, đã ăn ở ổn định từ năm 1985 đến nay, do vậy thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Ông C đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1 vì không có căn cứ.

3.3. Anh Vũ Xuân H3, chị Vũ Ngọc H2 thống nhất với trình bày của ông Vũ Văn C.

3.4. Ông Vũ Văn L1, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L2 và ông Vũ Văn T3 thống nhất với quan điểm, ý kiến của bà Vũ Thị T1.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2020/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020, Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1, khoản 6 Điều 50, Điều 123 Luật đất đai 2003 và khoản 3 Điều 4 Quyết định 65/2001/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1 về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1562/QĐ-CT ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện GL và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 625 ngày 29/9/2004 của UBND huyện GL cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2020 người khởi kiện là bà Vũ Thị T1 có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhiều lần những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; những người tham gia tố tụng khác đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Vũ Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới hoặc lý do nào khác để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[1.1] Tại "Biên bản nhượng lại ngôi nhà trẻ XD" lập ngày 23/8/1985 giữa bên chuyển nhượng là Hợp tác xã nông nghiệp có ông Nguyễn VH, ông Nguyễn TV; phía địa phương có ông Nguyễn ĐT, ông Trần QN và phía gia đình có ông Vũ Văn K thể hiện nội dung: Những người nêu trên tiến hành việc *"đánh giá ngôi nhà trẻ nằm trên miếng đất HTxã cho ông Vũ Văn K..."* với kết luận tổng giá trị vật liệu có trị giá là 47.000 đồng; không xác định giá trị quyền sử dụng đất và không thể hiện nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[1.2] Tại tờ bản đồ đo vẽ theo Chỉ thị 299 và sổ mục kê lập kèm theo (năm 1986) thì thửa đất bà T1 có khiếu kiện là thửa số 343, tờ bản đồ thôn XD, diện tích trên tờ bản đồ là 180 m^2 (tại sổ mục kê ghi là 140 m^2) thể hiện tên chủ sử dụng là ông "Vũ Văn C". Bản đồ không thể hiện công trình xây dựng trên đất (BL.139-140).

[1.3] Tại tờ bản đồ lập năm 1993 - 1994 và sổ mục kê lập kèm theo, thửa đất nêu trên được thể hiện là thửa số 86, tờ bản đồ số 3, diện tích 170 m^2, chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Ch (là vợ ông C) có thể hiện công trình xây dựng trên đất (BL.138,141).

[1.4] Tại "Biên bản xác định ranh giới thửa đất" do UBND xã YT lập ngày 05/01/2004 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 3, diện tích 145 m^2, chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Ch thể hiện có cụ Đàm Thị H (là chủ sử dụng đất liền kề phía Tây + phía Bắc thửa đất) ký xác định ranh giới (BL.113-114).

[1.5] Tại biên bản xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, vườn liền kề ngày 11/9/2004 của Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSD đất ở, vườn liền kề xã YT xác nhận: *"Đất do HTX cấp năm 1980 không giấy tờ. Ông Vũ Văn C đã kê khai 299/TTg, đã xây nhà và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp"* (BL.117).

[1.6] Tại Văn bản số 1432/UBND-TN&MT ngày 21/6/2018 của UBND huyện GL thể hiện quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 05/9/2016 Tổ xác minh đã tiến hành làm việc với các ông có tên tại biên bản nhượng lại ngôi nhà trẻ và lãnh đạo thôn XD, kết quả xác định: Năm 1995, ông T5 là Trưởng ban tuyên giáo kiêm Tổ trưởng Tổ Hội đồng thôn XD, ông S1 là Phó Chủ nhiệm, ông H5 là Trưởng ban kiểm soát, ông V là cán bộ thống kê. Các ông trên đều xác nhận sau khi ông C lấy vợ, do khó khăn về chỗ ở nên HTXNN đã xét và cấp cho vợ chồng ông C 01 thửa đất giãn dân tại khu nhà trẻ cũ thôn XD. Do thửa đất có 01 ngôi nhà trẻ cũ nên Hội đồng thôn và HTXNN đã tổ chức định giá nguyên vật liệu. Sau khi định giá, ông K là người đại diện gia đình nộp tiền nhưng số tiền đó của ai thì ông T5 không biết. Sau khi được cấp đất và thanh lý ngôi nhà thì ông C đã sinh sống và sử dụng ở từ đó đến nay.

[1.7] Quá trình giải quyết khiếu nại và quá trình tố tụng, bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thửa đất mà bà có khiếu kiện (nay là thửa số 86, tờ bản đồ số 3) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ K, cụ H.

[1.8] Mặt khác, kể từ ngày gia đình ông C sử dụng đất cho đến khi cụ K chết (năm 1987), cụ H chết (năm 2014), hai cụ đều không có ý kiến gì về việc vợ chồng ông C mượn đất để ở như bà T1 trình bày. Đối với sự việc bà T1 cho rằng, năm 2007 cụ H có đơn gửi UBND xã YT và đã được UBND xã YT trả lời nhưng theo lời trình bày của bà T1 thì nội dung hỏi của cụ H chỉ là thửa đất của gia đình ông C đã được cấp GCNQSD đất hay chưa chứ không phải là cụ H có khiếu nại hoặc tranh chấp về quyền sử dụng thửa đất với vợ chồng ông C, bà Ch. Ngoài ra, theo nội dung tại mục [1.4] ở trên thì cụ Đàm Thị H cũng là người đã ký vào "Biên bản xác định ranh giới thửa đất" do UBND xã YT lập ngày 05/01/2004 tại phần chủ sử dụng đất liền kề khi bà Nguyễn Thị Ch làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất.

[2] Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Gia đình ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị Ch đã sử dụng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 3 tại thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội từ năm 1985 đến nay. Quá trình sử dụng, đã thực hiện việc kê khai, đăng ký, đóng thuế đầy đủ, không xảy ra tranh chấp. Khi thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất vào năm 2004, UBND xã YT đã công bố, niêm yết công khai về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông C bà Ch theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND huyện GL cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch là đúng với quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 4 Quyết định số 65/2001/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND thành phố Hà Nội.

[2.2] Khi bà T1 có đơn yêu cầu UBND huyện GL thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch đối với thửa đất trên, UBND huyện GL đã giao cho các cơ quan có chức năng thực hiện việc thẩm tra nội dung yêu cầu của bà T1. Căn cứ vào kết quả thẩm tra, ngày 25/10/2016 UBND huyện GL đã ban hành Thông báo số 1797/TB-UBND với nội dung thông báo cho bà T1 được biết hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch và ông Vũ Văn C được cấp GCNQSD đất đối với

thửa đất trên là đúng quy định. Ngày 30/12/2016, bà Vũ Thị T1 có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện GL đối với Thông báo số 1797/TB-UBND nêu trên. Chủ tịch UBND huyện GL đã chỉ đạo việc thụ lý đơn khiếu nại, phân công cơ quan chức năng thực hiện việc thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người có khiếu nại và ban hành Quyết định số 1562/QD-CT ngày 22/02/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T1 với nội dung "Giữ nguyên Thông báo số 1797/TB-UBND ngày 25/10/2016 của UBND huyện GL về kết quả thẩm tra việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ch…" là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Bà Vũ Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Vũ Thị T1 và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2020/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Vũ Thị T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020268 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/3/2022.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền